

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Sương.

2/ Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 454/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Kim N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 405/2, đường ĐT 720, tổ 1, thôn 5, xã V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Diệp Quốc H, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số 157, đường ĐT 766, tổ 1, thôn 2, xã V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NHÂN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Kim N trình bày:

Vào năm 2016, tôi và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi cưới, thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 11/2018 thì tôi và anh H bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên cãi vã. Đến tháng 9/2019 tôi nộp đơn ra Tòa án nhưng sau đó tôi đã rút đơn để vợ chồng có thời gian suy nghĩ và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên sau đó vẫn không hàn gắn được. Chúng tôi đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi nhận thấy hôn nhân giữa tôi và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Diệp Quốc H.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Diệp Phương N1, sinh ngày 30/6/2017. Từ khi ly thân đến nay thì cháu N1 do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N1. Tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2020 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Diệp Quốc H khai: Mâu thuẫn giữa vợ chồng xuất phát từ việc chúng tôi không có tiếng nói chung trong gia đình, tôi mong muốn vợ chồng cùng buôn bán chung với gia đình tôi tuy nhiên chị N muốn kinh doanh riêng và đã bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh hơn 01 năm mới quay về, vì lý do đó nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đây cũng là lần thứ hai chị N nộp đơn ly hôn ra Tòa án. Nay tôi nhận thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Diệp Phương N1, sinh ngày 30/6/2017. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của tòa án; bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của tòa án. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu HĐXX xét xử vắng mặt chị N và anh H là đúng pháp luật. Về hôn nhân: Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là do hai người không cùng quan điểm sống, giữa hai người xảy ra tình trạng ly thân từ lâu. Nhận thấy chị N không còn tình cảm yêu thương đối với anh H, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài cũng như mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Diệp Phương N1, sinh ngày 30/6/2017. Cháu N1 đang chung sống với chị N, chị N có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; anh H cũng thống nhất với chị N. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Diệp Phương N1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Khi chị Hồ Thị Kim N nộp đơn khởi kiện thì anh Diệp Quốc H đang sinh sống tại xã V, huyện Đức Linh. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự

kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt chị N và anh H. Tuy nhiên chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 11/3/2020 và anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 21/02/2020. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị N và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị N, anh H và giấy khai sinh do UBND xã V cấp cho người được khai sinh tên Diệp Phương N1 thì có đủ cơ sở xác định, Phương N1 là con chung của chị N và anh H. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã thật sự rạn nứt. Quá trình tham gia tố tụng, chị N và anh H đều thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng và anh H đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng đã ly thân thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định: Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Xét thấy cháu N1 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời cháu N1 là nữ, nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của chị N; đồng thời, chị N là người có đạo đức tốt, có việc làm và thu nhập ổn định. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, anh H cũng có ý kiến thống nhất theo đề nghị của chị N. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển tốt về thể chất cả tinh thần của cháu N1, nên sau chị N và anh H ly hôn cần giao cháu N1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì chị N là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Hồ Thị Kim N ly hôn Diệp Quốc H.

2. Về con chung : Giao cho chị Hồ Thị Kim N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con: Diệp Phương N1, sinh ngày 30/6/2017. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003236 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Báo cho nguyên đơn. bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
 (đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu.

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**